TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** ----------
Số:12/2021/QĐST-DS	Gia Lâm, ngày 29 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 144/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ngân hàng T

Trụ sở: Số 57 phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ L, chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 08/2019/UQ.TPB.HĐQT ngày 14/5/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Anh T1, ông Nguyễn Văn T2, Bà Đào Thị S và ông Phạm Minh A là Nhân viên tố tụng, theo văn bản ủy quyền số 678/2020/UQ-TPB.RB ngày 08/10/2020 của Giám đốc thu hồi nợ Ngân hàng T.

*** Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Trú tại: Số 43 Biệt thự L- Khu đô thị Đ, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. *Đại diện Ngân hàng T và bà Nguyễn Thị H thống nhất các vấn đề sau*:

1.1. Theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ số: 670/2017/GNN/TTB MB3/01 ngày 28/8/2017, bà Nguyễn Thị H có vay Ngân hàng T với số tiền vay Số tiền vay: 2.509.000.000 đồng với thời hạn 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền mua ô tô và thanh toán tiền mua bảo hiểm an tâm tín dụng. Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 29/8/2018 là 7.8%/ năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 29/8/2023 được điều chỉnh 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng T tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.55 %/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

1.2. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 01 Xe ô tô nhãn hiệu AUDI Q7, màu đen, số khung: WAUZZZ4M&HD020956, số máy: CYR024099, Biển kiểm soát số 30E-776.05 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 333216 do Phòng cảnh sát giao thông- Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 28/8/2017 cho bà Nguyễn Thị H theo hợp đồng thế chấp tài sản số 670/2017/HDBD/TTB MB3/01 ký ngày 28/8/2017 giữa bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng T và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

1.3. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Nguyễn Thị H đã thanh toán được 483.319.442 đồng tiền gốc và 167.373.532 đồng tiền lãi. Ngày 27/8/2018, Bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay đã ký kết với Ngân hàng T. Tính đến ngày 21/01/2021, bà Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng T là **2.875.127.625 đồng** (Bằng chữ: *Hai tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu một trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng*), trong đó: Nợ gốc là 2.025.680.558đồng; Nợ lãi trong hạn là 510.358.869 đồng; Nợ lãi quá

hạn là 339.088.198 đồng.

Và từ ngày 22/01/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. ***Ngân hàng T và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận về lộ trình trả nợ như sau:***

2.1. Về thời gian thanh toán các khoản nợ:

- Chậm nhất đến ngày 25/02/2021, bà Nguyễn Thị H thanh toán cho Ngân hàng T số tiền gốc là 700.000.000 đồng(Bảy trăm triệu đồng).

- Chậm nhất đến ngày 25/3/2021, bà Nguyễn Thị H thanh toán cho Ngân hàng T số tiền gốc là 700.000.000 đồng(Bảy trăm triệu đồng).

- Chậm nhất đến ngày 25/4/2021, bà Nguyễn Thị H thanh toán cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp các ngày thanh toán nêu trên là ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì ngày trả nợ là ngày làm việc tiếp theo.

2.2. Bà Nguyễn Thị H cam kết quản lý, sử dụng tài sản đảm bảo theo đúng thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng. Nếu vi phạm bà Nguyễn Thị H hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2.3. Trường hợp bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ bất kỳ nội dung nào(không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ) theo thời hạn đã cam kết trên đây thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là 01 Xe ô tô nhãn hiệu AUDI Q7, màu đen, số khung: WAUZZZ4M&HD020956, số máy: CYR024099, Biển kiểm soát số 30E-776.05 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 333216 do Phòng cảnh sát giao thông- Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 28/8/2017 cho bà Nguyễn Thị H.

Trong trường hợp, sau khi phát mại tài sản đảm bảo mà không đủ để trả nợ thì bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu cả số tiền 44.751.300 đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.670.000 đồng(Bốn mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0005630 ngày 10/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cồ Khắc Đam